TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 552/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H; nơi ĐKHKTT: Đường N, phường Máy M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy T; nơi cư trú: Đường N, phường Máy M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 3 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới

theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng ý kiến trong việc làm ăn. Anh T ham chơi, không tu chí làm ăn, còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở xóm 3 xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay, hoàn toàn không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về việc nuôi con: Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25/10/2006. Cháu Đạt đang sống với bố và bà nội, ổn định việc học hành còn bản thân chị H chưa có nơi ở, công việc ổn định nên chị H đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Tiến Đạt cho anh T trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Chị H và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về việc nuôi con, giao cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25/10/2006 cho anh T trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về

việc chia tài sản, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Chị Phạm Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Huy T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Huy T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị H và anh T qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về làm ăn kinh tế. Anh chị đã sống ly thân hơn 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ cả hai vợ chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Huy T có một con chung là Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25/10/2006. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Tiến Đạt cho anh T trực tiếp nuôi do cháu Đạt đang sống với bố và bà nội, ổn định việc học hành; bản thân chị H hiện chưa có nơi ở, công việc ổn định; cháu Đạt cũng có

nguyện vọng được ở với bố để không bị xáo trộn cuộc sống và việc học. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của chị Phạm Thị H phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

2. Về việc nuôi con: Giao con là Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25/10/2006 cho anh Nguyễn Huy T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006853 ngày

03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H, bị đơn anh Nguyễn Huy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (ĐKHK ngày 15/12/2006);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hảo